

Số: /QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực môi trường, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, lĩnh vực phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2266/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2308/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2113/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực phí, lệ phí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 309/TTr-SNNMT ngày 26 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường;

lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; lĩnh vực phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (*Chi tiết tại Danh mục kèm theo*).

Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính không được công bố tại Quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 2266/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025, Quyết định số 2308/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Quyết định số 2113/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và được công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: <https://csdl.dichvucong.gov.vn>); Cổng thông tin điện tử tỉnh (địa chỉ: <https://phutho.gov.vn>).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

Đồng bộ đầy đủ, kịp thời dữ liệu thủ tục hành chính tại Quyết định này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh chậm nhất 03 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, xây dựng quy trình nội bộ đối với việc giải quyết từng thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này; hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chậm nhất 03 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác Danh mục thủ tục hành chính, bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này và gỡ bỏ các dữ liệu thủ tục hành chính đã hết hiệu lực thi hành trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

3. Văn phòng UBND tỉnh cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các dữ liệu thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định; đăng tải công khai Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Bãi bỏ:

- Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 03/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

- Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC-VPCP;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP (Ô. Thành);
- VNPT Phú Thọ;
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- CV: NC₁, 2, 4;
- Lưu: VT, NC₃.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Quang

**DANH MỤC TTHC LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG,
LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC, LĨNH VỰC PHÍ, LỆ PHÍ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ**

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý																														
I	TTHC LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG																																				
1	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính: tối đa 50 ngày, cụ thể như sau: - Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: tối đa 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	1. Trực tiếp: 1.1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. - <u>Cơ sở 1:</u> Địa chỉ: Số 398 - Đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210 2222 555 - <u>Cơ sở 2:</u> Địa chỉ: số 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 211 3616 618. - <u>Cơ sở 3:</u> Số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 0218 3868 689	1. Hồ sơ nộp trực tuyến: Theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh. Cụ thể: <table><tr><td></td><td>DVT</td><td>Số tiền</td></tr><tr><td>Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Tổng vốn đầu tư ≤50 tỷ đồng</td><td>Đồng/ báo cáo</td><td>2.450.000</td></tr><tr><td>Từ >50 tỷ đồng đến ≤100 tỷ đồng</td><td>Đ/BC</td><td>3.185.000</td></tr><tr><td>Từ >100 tỷ đồng đến ≤200 tỷ đồng</td><td>Đ/BC</td><td>5.880.000</td></tr><tr><td>Từ >200 tỷ đồng đến ≤500 tỷ đồng</td><td>Đ/BC</td><td>6.860.000</td></tr><tr><td>Từ >500 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng</td><td>Đ/BC</td><td>8.330.000</td></tr><tr><td>Nhóm 2: Các dự án về xây dựng</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ</td><td>Đồng/ báo cáo</td><td>3.381.000</td></tr><tr><td>Từ >50 tỷ đồng đến ≤100 tỷ đồng</td><td>Đ/BC</td><td>4.165.000</td></tr></table>		DVT	Số tiền	Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường			Tổng vốn đầu tư ≤50 tỷ đồng	Đồng/ báo cáo	2.450.000	Từ >50 tỷ đồng đến ≤100 tỷ đồng	Đ/BC	3.185.000	Từ >100 tỷ đồng đến ≤200 tỷ đồng	Đ/BC	5.880.000	Từ >200 tỷ đồng đến ≤500 tỷ đồng	Đ/BC	6.860.000	Từ >500 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng	Đ/BC	8.330.000	Nhóm 2: Các dự án về xây dựng			Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ	Đồng/ báo cáo	3.381.000	Từ >50 tỷ đồng đến ≤100 tỷ đồng	Đ/BC	4.165.000	Một phần	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số
	DVT	Số tiền																																			
Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường																																					
Tổng vốn đầu tư ≤50 tỷ đồng	Đồng/ báo cáo	2.450.000																																			
Từ >50 tỷ đồng đến ≤100 tỷ đồng	Đ/BC	3.185.000																																			
Từ >100 tỷ đồng đến ≤200 tỷ đồng	Đ/BC	5.880.000																																			
Từ >200 tỷ đồng đến ≤500 tỷ đồng	Đ/BC	6.860.000																																			
Từ >500 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng	Đ/BC	8.330.000																																			
Nhóm 2: Các dự án về xây dựng																																					
Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ	Đồng/ báo cáo	3.381.000																																			
Từ >50 tỷ đồng đến ≤100 tỷ đồng	Đ/BC	4.165.000																																			

			Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.	1.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 2. Trực tuyến Địa chỉ truy cập: www.dichvucong.gov.vn 3. Dịch vụ Bureau chính công ích	<i>Từ >100 tỷ đồng đến ≤200 tỷ đồng</i> <i>Từ >200 tỷ đồng đến ≤500 tỷ đồng</i> <i>Từ >500 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng</i> Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật <i>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ</i> <i>Từ >50 tỷ đồng đến ≤100 tỷ đồng</i> <i>Từ >100 tỷ đồng đến ≤200 tỷ đồng</i> <i>Từ >200 tỷ đồng đến ≤500 tỷ đồng</i> <i>Từ >500 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng</i> Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản <i>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ</i> <i>Từ >50 tỷ đồng đến ≤100 tỷ đồng</i> <i>Từ >100 tỷ đồng đến ≤200 tỷ đồng</i> <i>Từ >200 tỷ đồng đến ≤500 tỷ đồng</i> <i>Từ >500 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng</i> Nhóm 5: Dự án giao thông <i>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ</i> <i>Từ >50 tỷ đồng đến ≤100 tỷ đồng</i>	Đ/BC Đ/BC Đ/BC Đồng/ báo cáo Đ/BC Đ/BC Đ/BC Đồng/ báo cáo Đ/BC Đ/BC Đ/BC Đồng/ báo cáo Đ/BC	7.350.000 7.840.000 12.250.000 3.675.000 4.655.000 8.330.000 8.820.000 12.250.000 3.822.000 4.655.000 8.330.000 8.820.000 11.760.000 3.969.000 4.900.000	131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;
--	--	--	--	--	--	--	---	--

					<i>Từ >100 tỷ đồng đến ≤200 tỷ đồng</i>	Đ/BC	8.820.000		trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu một số loại phí, lệ phí; tỷ lệ (%) để lại cho các tổ chức, cá nhân thu phí trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.
					<i>Từ >200 tỷ đồng đến ≤500 tỷ đồng</i>	Đ/BC	9.800.000		
					<i>Từ >500 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng</i>	Đ/BC	12.250.000		
					Nhóm 6: Dự án công nghiệp				
					<i>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ</i>	Đồng/ báo cáo	4.116.000		
					<i>Từ >50 tỷ đồng đến ≤100 tỷ đồng</i>	Đ/BC	5.145.000		
					<i>Từ >100 tỷ đồng đến ≤200 tỷ đồng</i>	Đ/BC	9.310.000		
					<i>Từ >200 tỷ đồng đến ≤500 tỷ đồng</i>	Đ/BC	9.800.000		
					<i>Từ >500 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng</i>	Đ/BC	12.740.000		
					Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1,2,3,4,5,6)				
					<i>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ</i>	Đồng/báo cáo	2.450.000		
					<i>Từ >50 tỷ đồng đến ≤100 tỷ đồng</i>	Đ/BC	2.940.000		
					<i>Từ >100 tỷ đồng đến ≤200 tỷ đồng</i>	Đ/BC	5.292.000		
					<i>Từ >200 tỷ đồng đến ≤500 tỷ đồng</i>	Đ/BC	5.880.000		
					<i>Từ >500 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng</i>	Đ/BC	7.644.000		
					- Hồ sơ nộp trực tiếp: thực hiện theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh.				
					Khoản phí	<i>ĐVT</i>	<i>Số tiền</i>		
					Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường				
					Tổng vốn đầu tư ≤50 tỷ đồng	Đồng/ báo cáo	3.500.000		
					<i>Từ >50 tỷ đồng đến ≤100 tỷ</i>	Đ/BC	4.550.000		

					đồng				
					Từ >100 tỷ đồng đến ≤200 tỷ đồng	Đ/BC	8.400.000		
					Từ >200 tỷ đồng đến ≤500 tỷ đồng	Đ/BC	9.800.000		
					Từ >500 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng	Đ/BC	11.900.000		
					Nhóm 2: Các dự án về xây dựng				
					Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ	Đồng/ báo cáo	4.830.000		
					Từ >50 tỷ đồng đến ≤100 tỷ đồng	Đ/BC	5.950.000		
					Từ >100 tỷ đồng đến ≤200 tỷ đồng	Đ/BC	10.500.000		
					Từ >200 tỷ đồng đến ≤500 tỷ đồng	Đ/BC	11.200.000		
					Từ >500 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng	Đ/BC	17.500.000		
					Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật				
					Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ	Đồng/ báo cáo	5.250.000		
					Từ >50 tỷ đồng đến ≤100 tỷ đồng	Đ/BC	6.650.000		
					Từ >100 tỷ đồng đến ≤200 tỷ đồng	Đ/BC	11.900.000		
					Từ >200 tỷ đồng đến ≤500 tỷ đồng	Đ/BC	12.600.000		
					Từ >500 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng	Đ/BC	17.500.000		
					Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản				
					Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ	Đồng/ báo cáo	5.460.000		
					Từ >50 tỷ đồng đến ≤100 tỷ đồng	Đ/BC	6.650.000		
					Từ >100 tỷ đồng đến ≤200 tỷ đồng	Đ/BC	11.900.000		
					Từ >200 tỷ đồng đến ≤500 tỷ đồng	Đ/BC	12.600.000		
					Từ >500 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng	Đ/BC	16.800.000		

					đồng				
					Nhóm 5: Dự án giao thông				
					Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ	Đồng/ báo cáo	5.670.000		
					Từ > 50 tỷ đồng đến ≤ 100 tỷ đồng	Đ/BC	7.000.000		
					Từ > 100 tỷ đồng đến ≤ 200 tỷ đồng	Đ/BC	12.600.000		
					Từ > 200 tỷ đồng đến ≤ 500 tỷ đồng	Đ/BC	14.000.000		
					Từ > 500 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng	Đ/BC	17.500.000		
					Nhóm 6: Dự án công nghiệp				
					Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ	Đồng/ báo cáo	5.880.000		
					Từ > 50 tỷ đồng đến ≤ 100 tỷ đồng	Đ/BC	7.350.000		
					Từ > 100 tỷ đồng đến ≤ 200 tỷ đồng	Đ/BC	13.300.000		
					Từ > 200 tỷ đồng đến ≤ 500 tỷ đồng	Đ/BC	14.000.000		
					Từ > 500 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng	Đ/BC	18.200.000		
					Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1,2,3,4,5,6)				
					Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ	Đồng/báo cáo	3.500.000		
					Từ > 50 tỷ đồng đến ≤ 100 tỷ đồng	Đ/BC	4.200.000		
					Từ > 100 tỷ đồng đến ≤ 200 tỷ đồng	Đ/BC	7.560.000		
					Từ > 200 tỷ đồng đến ≤ 500 tỷ đồng	Đ/BC	8.400.000		
					Từ > 500 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng	Đ/BC	10.920.000		
2	1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Tối đa 30 (ba	1. Trực tiếp: 1.1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. - Cơ sở 1: Địa chỉ:	- Hồ sơ nộp trực tuyến: Theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh: 3.500.000 đồng/ phương án.			Một phần	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số

		cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - <i>Thời hạn phê duyệt hồ sơ</i> : Tối đa 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	<i>Số 398 - Đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú Thọ</i> ; ĐT: 0210 2222 555 - <i>Cơ sở 2</i> : Địa chỉ: <i>số 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ</i> ; ĐT: 211 3616 618. - <i>Cơ sở 3</i> : <i>Số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ</i> ; ĐT: 0218 3868 689 1.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 2. Trực tuyến Địa chỉ truy cập: www.dichvucong.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích	- Hồ sơ nộp trực tiếp : thực hiện theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh : 5.000.000 đồng/ phương án				08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu một số loại phí, lệ phí; tỷ lệ (%) để lại cho các tổ chức, cá nhân thu phí trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.
3	1.010727	Cấp giấy phép môi trường	- <i>Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ</i> : không quy định. - <i>Đối với trường hợp Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử</i>	1. Trực tiếp : 1.1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. - <i>Cơ sở 1</i> : Địa chỉ: <i>Số 398 - Đường Trần Phú - phường</i>	- Hồ sơ nộp trực tuyến : Theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh :			Một phần	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật
						ĐVT	Số tiền		
					- Đối với dự án đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường				
					+ Trường hợp thành lập Hội	Đồng/	4.221.000		

		<i>nghiệm công trình xử lý chất thải:</i> Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). - Đối với các trường hợp còn lại: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). Thời gian phân tích mẫu chất thải và hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của	<i>Việt Trì - tỉnh Phú Thọ</i> ĐT: 0210 2222 555 - <i>Cơ sở 2:</i> Địa chỉ: số 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 211 3616 618. - <i>Cơ sở 3:</i> Số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 0218 3868 689 1.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 2. Trục tuyến Địa chỉ truy cập: www.dichvucong.gov.vn 3. Dịch vụ Buu chính công ích	<table><tr><td>đồng thẩm định</td><td>Giấy phép</td><td></td></tr><tr><td>+ Trường hợp thành lập Tổ thẩm định</td><td>Đồng/Giấy phép</td><td>2.968.000</td></tr><tr><td>- Đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường</td><td>Đồng/Giấy phép</td><td>5.376.000</td></tr><tr><td>- Đối với cơ sở đang hoạt động</td><td>Đồng/Giấy phép</td><td>3.815.000</td></tr><tr><td colspan="3">- Hồ sơ nộp trực tiếp: thực hiện theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh.</td></tr><tr><td>- Đối với dự án đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường</td><td></td><td></td></tr><tr><td>+ Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định</td><td>Đồng/Giấy phép</td><td>6.030.000</td></tr><tr><td>+ Trường hợp thành lập Tổ thẩm định</td><td>Đồng/Giấy phép</td><td>4.240.000</td></tr><tr><td>- Đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường</td><td>Đồng/Giấy phép</td><td>7.680.000</td></tr><tr><td>- Đối với cơ sở đang hoạt động</td><td>Đồng/Giấy phép</td><td>5.450.000</td></tr></table>	đồng thẩm định	Giấy phép		+ Trường hợp thành lập Tổ thẩm định	Đồng/Giấy phép	2.968.000	- Đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	Đồng/Giấy phép	5.376.000	- Đối với cơ sở đang hoạt động	Đồng/Giấy phép	3.815.000	- Hồ sơ nộp trực tiếp: thực hiện theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh.			- Đối với dự án đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường			+ Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định	Đồng/Giấy phép	6.030.000	+ Trường hợp thành lập Tổ thẩm định	Đồng/Giấy phép	4.240.000	- Đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	Đồng/Giấy phép	7.680.000	- Đối với cơ sở đang hoạt động	Đồng/Giấy phép	5.450.000	Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ
đồng thẩm định	Giấy phép																																		
+ Trường hợp thành lập Tổ thẩm định	Đồng/Giấy phép	2.968.000																																	
- Đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	Đồng/Giấy phép	5.376.000																																	
- Đối với cơ sở đang hoạt động	Đồng/Giấy phép	3.815.000																																	
- Hồ sơ nộp trực tiếp: thực hiện theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh.																																			
- Đối với dự án đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường																																			
+ Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định	Đồng/Giấy phép	6.030.000																																	
+ Trường hợp thành lập Tổ thẩm định	Đồng/Giấy phép	4.240.000																																	
- Đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	Đồng/Giấy phép	7.680.000																																	
- Đối với cơ sở đang hoạt động	Đồng/Giấy phép	5.450.000																																	

			cơ quan cấp phép.						Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BTNMT. - Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ Quy định mức thu một số loại phí và lệ phí, tỷ lệ (%) để lại cho các tổ chức, cá nhân thu phí trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Phú Thọ
4	1.010728	Cấp đổi giấy phép môi trường	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn cấp đổi giấy phép môi trường: Tối đa 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính	1. Trực tiếp: 1.1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. <u>- Cơ sở 1:</u> Địa chỉ: Số 398 - Đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210 2222 555 <u>- Cơ sở 2:</u> Địa	Không quy định			Toàn trình	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ

			vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép. <i>chỉ: số 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 211 3616 618.</i> <i>- Cơ sở 3: Số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 0218 3868 689</i> 1.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 2. Trực tuyến Địa chỉ truy cập: www.dichvucong.gov.vn 3. Dịch vụ Bureau chính công ích			sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
--	--	--	---	--	--	---

							trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
5	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	- Thời hạn trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Không quy định. - Thời hạn cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: Tối đa 25 (Hai mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.	1. Trực tiếp: 1.1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. - <u>Cơ sở 1:</u> Địa chỉ: Số 398 - Đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210 2222 555 - <u>Cơ sở 2:</u> Địa chỉ: số 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 211 3616 618. - <u>Cơ sở 3:</u> Số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 0218 3868 689 1.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 2. Trực tuyến Địa chỉ truy cập: www.dichvucong.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích	- Hồ sơ nộp trực tuyến: Theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh: 168.000 đồng/giấy phép. - Hồ sơ nộp trực tiếp: thực hiện theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh: 240.000 đồng/giấy phép.	Toàn trình	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số

							02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BTNMT. - Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ Quy định mức thu một số loại phí và lệ phí, tỷ lệ (%) để lại cho các tổ chức, cá nhân thu phí trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Phú Thọ
6	1.010730	Cấp lại giấy phép môi	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp	1. Trực tiếp: 1.1. Trung tâm	- Hồ sơ nộp trực tuyến: Theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh:	Một phần	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày

		trường	<i>lệ của hồ sơ</i>: không quy định. <i>- Thời hạn cấp lại giấy phép môi trường</i>: + Tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường; + Tối đa 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong trường hợp việc tiếp nhận và trả kết quả cấp lại giấy phép môi trường được thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình của cơ quan cấp phép đối với dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và khi có yêu cầu của chủ dự án đầu tư. Thời gian phân tích mẫu chất thải của cơ quan cấp phép và thời gian hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở không tính vào thời hạn cấp lại giấy phép môi trường.	Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. <i>- Cơ sở 1: Địa chỉ: Số 398 - Đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú Thọ</i> ĐT: 0210 2222 555 <i>- Cơ sở 2: Địa chỉ: số 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ</i>; ĐT: 211 3616 618. <i>- Cơ sở 3: Số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ</i>; ĐT: 0218 3868 689 1.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 2. Trực tuyến Địa chỉ truy cập: www.dichvucong.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích	<table><tr><th>Mức phí</th><th>ĐVT</th><th>Số tiền</th></tr><tr><td>- Đối với dự án đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định</td><td>Đồng/ Giấy phép</td><td>4.221.000</td></tr><tr><td>Trường hợp thành lập Tổ thẩm định</td><td>Đồng/ Giấy phép</td><td>2.968.000</td></tr><tr><td>- Đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường</td><td>Đồng/ Giấy phép</td><td>5.376.000</td></tr><tr><td>- Đối với cơ sở đang hoạt động</td><td>Đồng/ Giấy phép</td><td>3.815.000</td></tr><tr><td colspan="3">- Hồ sơ nộp trực tiếp: thực hiện theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh.</td></tr><tr><td>- Đối với dự án đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường</td><td></td><td></td></tr><tr><td>+ Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định</td><td>Đồng/ Giấy phép</td><td>6.030.000</td></tr><tr><td>+ Trường hợp thành lập Tổ thẩm định</td><td>Đồng/ Giấy phép</td><td>4.240.000</td></tr><tr><td>- Đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường</td><td>Đồng/ Giấy phép</td><td>7.680.000</td></tr><tr><td>- Đối với cơ sở đang hoạt động</td><td>Đồng/ Giấy phép</td><td>5.450.000</td></tr></table>	Mức phí	ĐVT	Số tiền	- Đối với dự án đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường			Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định	Đồng/ Giấy phép	4.221.000	Trường hợp thành lập Tổ thẩm định	Đồng/ Giấy phép	2.968.000	- Đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	Đồng/ Giấy phép	5.376.000	- Đối với cơ sở đang hoạt động	Đồng/ Giấy phép	3.815.000	- Hồ sơ nộp trực tiếp: thực hiện theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh.			- Đối với dự án đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường			+ Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định	Đồng/ Giấy phép	6.030.000	+ Trường hợp thành lập Tổ thẩm định	Đồng/ Giấy phép	4.240.000	- Đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	Đồng/ Giấy phép	7.680.000	- Đối với cơ sở đang hoạt động	Đồng/ Giấy phép	5.450.000	17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Mức phí	ĐVT	Số tiền																																								
- Đối với dự án đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường																																										
Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định	Đồng/ Giấy phép	4.221.000																																								
Trường hợp thành lập Tổ thẩm định	Đồng/ Giấy phép	2.968.000																																								
- Đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	Đồng/ Giấy phép	5.376.000																																								
- Đối với cơ sở đang hoạt động	Đồng/ Giấy phép	3.815.000																																								
- Hồ sơ nộp trực tiếp: thực hiện theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh.																																										
- Đối với dự án đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường																																										
+ Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định	Đồng/ Giấy phép	6.030.000																																								
+ Trường hợp thành lập Tổ thẩm định	Đồng/ Giấy phép	4.240.000																																								
- Đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	Đồng/ Giấy phép	7.680.000																																								
- Đối với cơ sở đang hoạt động	Đồng/ Giấy phép	5.450.000																																								

									Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BTNMT. - Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ Quy định mức thu một số loại phí và lệ phí, tỷ lệ (%) để lại cho các tổ chức, cá nhân thu phí trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Phú Thọ
II	TTHC LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC								
1	1.008672	Cấp giấy phép khai thác loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm	18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	1. Trực tiếp: 1.1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ.	Chưa quy định.			Toàn trình	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định

		được ưu tiên bảo vệ		<u>- Cơ sở 1: Địa chỉ:</u> Số 398 - Đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210 2222 555 <u>- Cơ sở 2: Địa chỉ:</u> số 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 211 3616 618. <u>- Cơ sở 3: Số 485</u> đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 0218 3868 689 1.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 2. Trục tuyến Địa chỉ truy cập: www.dichvucong.gov.vn 3. Dịch vụ Buru chính công ích			loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; - Nghị định số 136/2025/NĐCP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
2	1.004160	Đăng ký tiếp cận nguồn gen	09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	1. Trục tiếp: 1.1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. <u>- Cơ sở 1: Địa chỉ:</u> Số 398 - Đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú	Không thu phí	Toàn trình	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 59/2017/NĐCP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;

				Thọ ĐT: 0210 2222 555 - <u>Cơ sở 2:</u> Địa chỉ: số 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 211 3616 618. - <u>Cơ sở 3:</u> Số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 0218 3868 689 1.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 2. <u>Thực tuyến</u> Địa chỉ truy cập: www.dichvucong.gov.vn 3. <u>Dịch vụ Bưu chính công ích</u>			- Nghị định số 136/2025/NĐCP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 11/2025/TTBNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.
3	1.004150	Cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen	- 39 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đối với hồ sơ nghiên cứu không vì mục đích thương mại; - 78 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đối với hồ sơ đề nghị 18 tiếp cận nguồn gen để nghiên cứu vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại.	1. <u>Thực tiếp:</u> 1.1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. - <u>Cơ sở 1:</u> Địa chỉ: Số 398 - Đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210 2222 555 - <u>Cơ sở 2:</u> Địa chỉ: số 5, đường	Chưa quy định.	Một phần	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 59/2017/NĐ CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen; - Nghị định số 136/2025/NĐ CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền,

				Nguyễn Trãi, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 211 3616 618. - <u>Cơ sở 3:</u> Số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 0218 3868 689 1.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 2. Trục tuyến Địa chỉ truy cập: www.dichvucong.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích			phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 11/2025/TT BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.
4	1.004096	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	1. Trục tiếp: 1.1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. - <u>Cơ sở 1:</u> Địa chỉ: Số 398 - Đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210 2222 555 - <u>Cơ sở 2:</u> Địa chỉ: số 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 211	Chưa quy định.	Toàn trình	- Điều 59 Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Điều 17 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen; - Khoản 1, Điều 46 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Khoản 4, Điều 3 Thông

				3616 618. <u>- Cơ sở 3: Số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 0218 3868 689</u> 1.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 2. Trực tuyến Địa chỉ truy cập: www.dichvucong.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích			tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.
5	1.004117	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	1. Trực tiếp: 1.1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. <u>- Cơ sở 1: Địa chỉ: Số 398 - Đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210 2222 555</u> <u>- Cơ sở 2: Địa chỉ: số 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 211 3616 618.</u> <u>- Cơ sở 3: Số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa</u>	Không thu phí.	Toàn trình	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Điều 20 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen; - Khoản 1, Điều 46 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Điều 4 Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định

				Bình, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 0218 3868 689 1.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 2. Trục tuyến Địa chỉ truy cập: www.dichvucong.gov.vn 3. Dịch vụ Bru chính công ích			về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.
6	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.	Không quá ba mươi lăm (35) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Cụ thể: - Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Thời hạn tiến hành thẩm định và trình, ban hành quyết định cấp phép: Trong thời hạn ba mươi (30) ngày.	1. Trục tiếp: 1.1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. - <u>Cơ sở 1:</u> Địa chỉ: Số 398 - Đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210 2222 555 - <u>Cơ sở 2:</u> Địa chỉ: số 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 211 3616 618. - <u>Cơ sở 3:</u> Số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 0218 3868 689 1.2. Trung tâm	Không quy định	Toàn trình	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông

				Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 2. <i>Trực tuyến</i> Địa chỉ truy cập: <i>www.dichvucong.gov.vn</i> 3. <i>Dịch vụ Buu chính công ích</i>			nghịệp và Môi trường.
7	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Không quá (60) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	1. <i>Trực tiếp:</i> 1.1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. <i>- Cơ sở 1: Địa chỉ: Số 398 - Đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210 2222 555</i> <i>- Cơ sở 2: Địa chỉ: số 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 211 3616 618.</i> <i>- Cơ sở 3: Số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 0218 3868 689</i> 1.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Không quy định	Toàn trình	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi

				2. Trục tuyến Địa chỉ truy cập: www.dichvucong.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích			trường hướng dẫn mẫu đơn đăng ký, giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và mẫu báo cáo tình trạng bảo tồn loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.
III Thủ tục hành chính lĩnh vực phí, lệ phí							
1	1.013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai phí. - Trường hợp số phí phải nộp theo kết quả thẩm định khác với số phí người nộp phí đã kê khai, nộp thì tổ chức thu phí ban hành thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải gửi người nộp phí, chậm nhất trong 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định.	1. Trục tiếp: Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường 2. Dịch vụ Bưu chính công ích	Không quy định		- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; - Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; - Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019; - Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 153/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải. - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính
2	1.008603	Kê khai, thẩm định tờ khai phí	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ	1. Trục tiếp: Tại Sở Nông nghiệp	Không quy định		- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05

		bảo vệ môi trường đối với nước thải	khai phí.	và Môi trường 2. Dịch vụ Bưu chính công ích			tháng 05 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính
--	--	-------------------------------------	-----------	---	--	--	---

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/ Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC trực tuyến (mức độ)	Căn cứ pháp lý
I TTHC LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG							
1	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường.	- Thời hạn kiểm tra về tính đầy đủ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn xử lý, trả kết quả: Tối đa 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ dự án đầu tư. Trường hợp không có văn bản trả lời trong thời hạn quy định được coi là thông nhất với nội dung tham vấn.	1. Trực tiếp: 1.1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. - <u>Cơ sở 1:</u> Địa chỉ: Số 398 Đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210 2222 555 - <u>Cơ sở 2:</u> Địa chỉ: số 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 211 3616 618. - <u>Cơ sở 3:</u> Số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 0218 3868 689 1.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 2. Trực tuyến Địa chỉ truy cập: www.dichvucong.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích	Không	Một phần	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/ Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC trực tuyến (mức độ)	Căn cứ pháp lý
							- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
II TTHC LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC							
1	1.004082	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.	1. Trực tiếp: 1.1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. <u>- Cơ sở 1:</u> Địa chỉ: Số 398 - Đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210 2222 555 <u>- Cơ sở 2:</u> Địa chỉ: số 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 211 3616 618. <u>- Cơ sở 3:</u> Số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ; ĐT: 0218 3868 689 1.2. Trung tâm Phục vụ	Không	Một phần	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/ Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC trực tuyến (mức độ)	Căn cứ pháp lý
				hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 2. <i>Trực tuyến</i> Địa chỉ truy cập: <i>www.dichvucong.gov.vn</i> 3. <i>Dịch vụ Bưu chính công ích</i>			trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.